

Bản án số 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26.4.2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Thanh.

2. Ông Đặng Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ái Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T – sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 142 L, phường H, quận L, TP. Đ. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc C – sinh năm 1981; Nơi cư trú: Hẻm 1/6, K89 Đ, phường H, quận L, TP. Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2017, Bản tự khai ngày 27 tháng 02 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh C kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Sơn, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, chồng tôi có tính đam mê cờ bạc, cá độ, giả dối và thiếu trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn bắt đầu nhiều hơn khi tôi mang thai bé thứ 2 vào năm 2015, tôi và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, tôi đã cố gắng tiếp tục cuộc sống hôn nhân vì con nhưng đến nay chồng tôi vẫn không hề thay đổi, tôi nhận thấy vợ chồng không hòa hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 4.2017, vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thùy U – sinh ngày 19.12.2012 hiện đang ở với bà ngoại và Nguyễn Thùy An – sinh ngày 15.6.2015 hiện đang ở với tôi. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi.

** Tại bản tự khai ngày 12.3.2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn - ông Nguyễn Quốc C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị T về năm đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi chung sống của vợ chồng sau khi kết hôn và mâu thuẫn của vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4.2017 đến nay, tôi đồng ý với yêu cầu ly hôn của vợ tôi.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thùy U – sinh ngày 19.12.2012 và Nguyễn Thùy An – sinh ngày 15.6.2015. Tôi có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Thùy U và giao con Nguyễn Thùy An cho vợ tôi nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thùy An.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Trần Thị T và bị đơn – ông Nguyễn Quốc C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 55, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quốc C

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thùy U – sinh ngày 19.12.2012 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thùy An – sinh ngày 15.6.2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung: Bà T và ông C không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

+ Về nợ chung: Bà T và ông C xác định không có nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quốc C kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Sơn, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông C đều xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T trình bày là do ông C không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống bia rượu, cờ bạc và cá độ, mâu thuẫn giữa bà T và ông C được Lãnh đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ảnh Sản Việt – là nơi bà T và ông C làm việc xác nhận là có thật. Bà T và ông C đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4.2017 đến nay.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà T và ông C xác định có 02 con chung là Nguyễn Thùy U – sinh ngày 19.12.2012 và Nguyễn Thùy A – sinh ngày 15.6.2015, bà T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, ông C có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Thùy Uyên và giao con Nguyễn Thùy A cho bà T nuôi dưỡng.

Xét, hiện nay con chung Nguyễn Thùy A đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Thùy Uyên đang được bà ngoại nuôi dưỡng ở quê, bà T và ông C đều có việc làm thu nhập ổn định, cả hai đều phải có trách nhiệm đối với con cái như nhau nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của bà T, giao con chung Nguyễn Thùy A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thùy Uyên cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà T và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông C xác định không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Quốc C về việc “Tranh chấp ly hôn”.

** Về quan hệ hôn nhân:*

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quốc C.

** Về con chung:*

Xử: Giao con chung Nguyễn Thùy U – sinh ngày 19.12.2012 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Giao con chung Nguyễn Thùy A – sinh ngày 15.6.2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

** Về tài sản chung:* Bà T và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

** Về nợ chung:* Bà T và ông C xác định không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000802 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, quận Liên Chiểu;
- UBND P.Lộc Sơn, H.Bảo Lộc, T.Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đạm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Bình Hiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đạm